

**VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ  
KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM**

*(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã Hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA  
NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2016**

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	10 - 32



## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính giữa niên độ của Văn phòng Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Phan Ngọc Hiền	Chủ tịch
Ông Ngô Kim Sơn	Ủy viên
Ông Nguyễn Minh Tuấn	Ủy viên
Ông Phan Đại Thành	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2016)
Ông Phan Thế Hồng	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2016)

#### **Ban Giám đốc**

Ông Nguyễn Minh Tuấn	Giám đốc
Ông Đinh Quang Hưng	Phó Giám đốc
Ông Bùi Duy Nhị	Phó Giám đốc
Ông Mã Ngọc Kỳ	Phó Giám đốc
Ông Vũ Quang Dũng	Phó Giám đốc
Ông Võ Khánh	Phó Giám đốc (miễn nhiệm ngày 06 tháng 6 năm 2016)

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính giữa niên độ của Văn phòng Công ty phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Văn phòng Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Văn phòng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ hơn là nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Văn phòng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Văn phòng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ của Văn phòng Công ty.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc



**Nguyễn Minh Tuấn**  
**Giám đốc**

Ngày 22 tháng 9 năm 2016

1123  
NG  
HIỆM  
OI  
T N  
1 - T

Số: 305 /VN1A-HN-BC

## BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi:** Các Cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Văn phòng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "Văn phòng Công ty"), được lập ngày 22 tháng 9 năm 2016, từ trang 06 đến trang 32, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Văn phòng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

00 - C  
TY  
HỮU HẠN  
TE  
AM  
P. HA N



## BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kết luận của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề này.



**Vũ Đức Nguyên**

**Phó Tổng Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0764-2013-001-1

**Thay mặt và đại diện cho  
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 22 tháng 9 năm 2016  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam



**VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ  
KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Tầng 7, Tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình,  
Nam Từ Liêm Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**MẪU SỐ B 01a-DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2016	31/12/2015
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>3.532.441.073.706</b>	<b>3.384.284.034.350</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>494.394.550.985</b>	<b>280.129.557.679</b>
1. Tiền	111		16.082.794.040	240.129.557.679
2. Các khoản tương đương tiền	112		478.311.756.945	40.000.000.000
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>227.993.979.637</b>	<b>472.069.230.732</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	115.049.707.999	365.742.111.943
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	7.017.269.821	7.063.693.239
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		9.545.698.497	9.319.411.854
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	96.381.303.320	89.944.013.696
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>9</b>	<b>2.718.901.407.360</b>	<b>2.537.947.426.803</b>
1. Hàng tồn kho	141		2.718.901.407.360	2.537.947.426.803
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>91.151.135.724</b>	<b>94.137.819.136</b>
1. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	10	91.151.135.724	92.669.761.560
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16	-	1.468.057.576
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>69.257.994.751</b>	<b>55.497.684.259</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>180.860.000</b>	<b>180.860.000</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	8	180.860.000	180.860.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>32.151.831.310</b>	<b>19.695.886.934</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	32.073.411.955	19.597.967.579
- Nguyên giá	222		53.170.067.509	37.691.728.925
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(21.096.655.554)	(18.093.761.346)
2. Tài sản cố định vô hình	227		78.419.355	97.919.355
- Nguyên giá	228		348.117.750	348.117.750
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(269.698.395)	(250.198.395)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>200.519.442</b>	<b>200.519.442</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		200.519.442	200.519.442
<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>12</b>	<b>5.040.000.000</b>	<b>4.876.952.021</b>
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		5.040.000.000	5.040.000.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	(163.047.979)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>31.684.783.999</b>	<b>30.543.465.862</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13	31.684.783.999	30.543.465.862
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>3.601.699.068.457</b>	<b>3.439.781.718.609</b>

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không thể tách rời của báo cáo tài chính này

500  
3 TY  
M HUU  
ITTI  
NAM  
TP. V



**VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ  
KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Tầng 7, Tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình,  
Nam Từ Liêm Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**MẪU SỐ B 01a-DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2016	31/12/2015
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>3.429.160.005.336</b>	<b>3.246.065.811.212</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>3.426.660.005.336</b>	<b>3.243.565.811.212</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	3.191.469.865.695	2.982.997.181.501
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	15	131.987.249.939	144.260.091.974
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	850.680.136	5.422.662.314
4. Phải trả người lao động	314		31.401.449.853	30.915.018.591
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	309.576.148	2.828.192.770
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	46.605.978.031	5.512.955.364
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19	22.117.398.066	69.628.648.065
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.917.807.468	2.001.060.633
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>2.500.000.000</b>	<b>2.500.000.000</b>
1. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		2.500.000.000	2.500.000.000
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>172.539.063.121</b>	<b>193.715.907.397</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>20</b>	<b>172.539.063.121</b>	<b>193.715.907.397</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		150.000.000.000	150.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		150.000.000.000	150.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		15.303.102.810	15.303.102.810
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		7.235.960.311	28.412.804.587
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		2.494.684.917	3.553.909.060
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		4.741.275.394	24.858.895.527
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>3.601.699.068.457</b>	<b>3.439.781.718.609</b>

  
**Nguyễn Thị Mai Hoa**  
Người lập biểu

Ngày 22 tháng 9 năm 2016

  
**Lê Đình Thái**  
Kế toán trưởng

  
**Nguyễn Minh Tuấn**  
Giám đốc



**VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ  
KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Tầng 7, Tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình,  
Nam Từ Liêm Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**MẪU SỐ B 02a-DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>22</b>	<b>314.799.614.136</b>	<b>416.269.632.306</b>
2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	23	287.787.025.722	389.658.317.557
<b>3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=01-11)</b>	<b>20</b>		<b>27.012.588.414</b>	<b>26.611.314.749</b>
4. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	640.227.075	405.424.068
5. Chi phí tài chính	22	25	955.001.515	85.334.788
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.118.049.494	378.645.972
6. Chi phí bán hàng	25		1.733.000	11.181.818
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		20.555.474.853	17.962.397.896
<b>8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))</b>	<b>30</b>		<b>6.140.606.121</b>	<b>8.957.824.315</b>
9. Thu nhập khác	31		46.597.415	146.181.699
10. Chi phí khác	32		134.079	724.475
<b>11. Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>		<b>46.463.336</b>	<b>145.457.224</b>
<b>12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>6.187.069.457</b>	<b>9.103.281.539</b>
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	27	1.164.317.879	1.830.124.702
<b>14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)</b>	<b>60</b>		<b>5.022.751.578</b>	<b>7.273.156.837</b>
<b>15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>28</b>	<b>301</b>	<b>402</b>

  
**Nguyễn Thị Mai Hoa**  
Người lập biểu

  
**Lê Đình Thái**  
Kế toán trưởng

  
**Nguyễn Minh Tuấn**  
Giám đốc

Ngày 22 tháng 9 năm 2016

**VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ  
KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Tầng 7, Tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình,  
Nam Từ Liêm Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**MẪU SỐ B 03a-DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>6.187.069.457</b>	<b>9.103.281.539</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
Khấu hao tài sản cố định	02	3.022.394.208	2.145.765.727
Các khoản dự phòng	03	(163.047.979)	(293.311.184)
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(640.227.075)	(405.424.068)
Chi phí lãi vay	06	1.118.049.494	378.645.972
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>9.524.238.105</b>	<b>10.928.957.986</b>
Thay đổi các khoản phải thu	09	246.779.421.959	95.270.883.280
Thay đổi hàng tồn kho	10	(180.953.980.557)	(23.966.962.538)
Thay đổi các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	208.890.608.854	(166.014.682.242)
Thay đổi chi phí trả trước	12	(1.141.318.137)	333.292.648
Tiền lãi vay đã trả	14	(1.263.004.074)	(258.130.740)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(5.121.966.335)	(3.233.082.119)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>276.713.999.815</b>	<b>(86.939.723.725)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(15.542.625.584)	(10.437.760.954)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	640.227.075	405.424.068
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(14.902.398.509)</b>	<b>(10.032.336.886)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	30.517.628.402	61.800.702.397
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(78.028.878.401)	(11.543.775.807)
3. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(35.358.001)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(47.546.608.000)</b>	<b>50.256.926.590</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>214.264.993.306</b>	<b>(46.715.134.021)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>280.129.557.679</b>	<b>63.648.079.854</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)</b>	<b>70</b>	<b>494.394.550.985</b>	<b>16.932.945.833</b>

  
Nguyễn Thị Mai Hoa  
Người lập biểu

Ngày 22 tháng 9 năm 2016

  
Lê Đình Thái  
Kế toán trưởng

  
Nguyễn Minh Tuấn  
Giám đốc



**VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ  
KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Tầng 7, Tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình,  
Nam Từ Liêm Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**MẪU SỐ B 09a-DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp và theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103021005 ngày 27 tháng 11 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Công ty đã nhận được Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần thứ 8 ngày 20 tháng 10 năm 2015.

Công ty mẹ của Công ty là Công ty TNHH Một thành viên - Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "PVPower").

Tổng số nhân viên của Văn phòng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 84 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 94).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là cung cấp dịch vụ vận hành nhà máy điện; Dịch vụ kỹ thuật: bảo trì, bảo dưỡng, đại tu nhà máy điện bao gồm phần thiết bị nhà máy chính và các phần có liên quan; Kinh doanh vật tư máy móc; Kinh doanh vật tư thiết bị máy móc và hệ thống thiết bị dây chuyền đồng bộ phục vụ cho ngành điện, thông tin viễn thông và các ngành công nghiệp khác; Đào tạo cung cấp nguồn nhân lực về quản lý vận hành, bảo dưỡng sửa chữa và chuyển giao công nghệ các nhà máy điện và công nghiệp; lắp đặt hệ thống điện; Tư vấn thiết kế, biên dịch, biên soạn tài liệu và các giải pháp kỹ thuật nâng cao hiệu suất nhà máy điện, các giải pháp tiết kiệm năng lượng mới, năng lượng tái tạo và cả hệ thống thiết bị công nghiệp (Không bao gồm thiết kế công trình); Thi công trạm biến áp, đường dây truyền tải và hệ thống điện, hệ thống đo lường điều khiển tự động, hệ thống thông tin viễn thông và hệ thống cung cấp và xử lý nước cho công trình công nghiệp và dân dụng; Thi công lắp đặt các công trình công nghiệp; Đầu tư sản xuất thiết bị điện, phụ tùng vật tư cho ngành điện dầu khí và các ngành công nghiệp khác; Đại lý kinh doanh viễn thông; Xuất khẩu, nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh; Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan khác; Kiểm tra và phân tích kỹ thuật.

Hoạt động chính của Công ty là cung cấp dịch vụ bảo trì, bảo dưỡng sửa chữa cho các nhà máy điện.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.



**VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ  
KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Tầng 7, Tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình,  
Nam Từ Liêm Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**MẪU SỐ B 09a-DN**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)**

**Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, các đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty bao gồm:

- Chi nhánh Cà Mau - Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam;
- Chi nhánh Nhơn Trạch - Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam;
- Chi nhánh Hà Tĩnh - Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam; và
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam tại Đà Nẵng - Trung tâm Thí nghiệm điện.

**Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính giữa niên độ**

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Văn phòng Công ty.

Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Văn phòng Công ty.

Các số liệu so sánh này đã được kiểm toán và soát xét cho mục đích kiểm toán và soát xét báo cáo tài chính của toàn Công ty.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ KỲ KẾ TOÁN**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính giữa niên độ**

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Văn phòng Công ty chưa bao gồm báo cáo tài chính giữa niên độ của các Chi nhánh hạch toán phụ thuộc như trình bày tại Thuyết minh số 1.



**VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ  
KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Tầng 7, Tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình,  
Nam Từ Liêm Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**MẪU SỐ B 09a-DN**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ KỲ KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

**Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Văn phòng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016.

**3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI**

Ngày 21 tháng 3 năm 2016, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 53/2016/TT-BTC ("Thông tư 53") sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư 53 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2016. Văn phòng Công ty đã áp dụng Thông tư 53 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Văn phòng Công ty.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Văn phòng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ Văn phòng Công ty tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Văn phòng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Văn phòng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay



**VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ  
KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Tầng 7, Tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình,  
Nam Từ Liêm Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**MẪU SỐ B 09a-DN**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Công cụ tài chính (Tiếp theo)**

***Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu***

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt và các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác**

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Văn phòng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trình bày trong Bảng cân đối kế toán giữa niên độ theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp", Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định kế toán hiện hành.

**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất kho của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Văn phòng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Văn phòng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

01/...  
C  
TRÁC  
DI  
VI  
TỔNG

**VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ  
KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Tầng 7, Tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình,  
Nam Từ Liêm Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**MẪU SỐ B 09a-DN**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<b>Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016</b>
	<b>Số năm</b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6
Máy móc, thiết bị	5 - 7
Phương tiện vận tải	5 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 7

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình bao gồm giá trị phần mềm kế toán và phần mềm quản lý (gọi chung là "phần mềm"), được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

**Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê văn phòng và các khoản chi phí trả trước khác.

Tiền thuê văn phòng thể hiện số tiền thuê văn phòng đã được trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Văn phòng Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

01125  
ÔNG  
NHIỆM  
LOIT  
T N  
A - TF



**VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ  
KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Tầng 7, Tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình,  
Nam Từ Liêm Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**MẪU SỐ B 09a-DN**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Văn phòng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Văn phòng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Văn phòng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Văn phòng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**Quỹ phát triển khoa học và công nghệ**

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được trích lập để tạo nguồn đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Văn phòng Công ty. Quỹ được hình thành trên cơ sở trích lập từ 3% đến 10% thu nhập tính thuế trước khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp và được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

**Ngoại tệ**

Văn phòng Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái". Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Y  
C  
U  
H  
A  
I  
T  
E  
M  
H  
A

**VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ  
KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Tầng 7, Tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình,  
Nam Từ Liêm Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**MẪU SỐ B 09a-DN**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính giữa niên độ và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Văn phòng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Văn phòng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Văn phòng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.



**VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ  
KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Tầng 7, Tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình,  
Nam Từ Liêm Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**MẪU SỐ B 09a-DN**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>30/6/2016</u>	<u>31/12/2015</u>
	VND	VND
Tiền mặt	370.808.049	171.644.889
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	15.711.985.991	239.957.912.790
Các khoản tương đương tiền (i)	478.311.756.945	40.000.000.000
	<u><b>494.394.550.985</b></u>	<u><b>280.129.557.679</b></u>

(i) Số dư các khoản tương đương tiền tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 phản ánh các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại. Trong đó, các khoản tiền gửi có kỳ hạn với giá trị khoảng 23,8 tỷ VND được dùng để bảo đảm cho các hợp đồng mua ngoại tệ kỳ hạn với mục đích thanh toán các khoản phải trả Siemens Aktiengesellschaft về dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng các nhà máy điện như đã trình bày ở Thuyết minh số 14.

**6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	<u>30/6/2016</u>	<u>31/12/2015</u>
	VND	VND
<b>a) Phải thu các bên liên quan</b>		
Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau	2.875.067.947	219.376.738.444
Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh	46.340.152.689	76.760.198.434
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	44.284.926.906	38.809.164.052
Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch	5.538.419.000	25.964.040.061
Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na	2.725.373.913	2.305.384.736
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Bắc Kạn	186.400.227	-
<b>b) Phải thu khách hàng khác</b>		
Các khách hàng khác	13.099.367.317	2.526.586.216
	<u><b>115.049.707.999</b></u>	<u><b>365.742.111.943</b></u>

**7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	<u>30/6/2016</u>	<u>31/12/2015</u>
	VND	VND
Sojitz Corporation	2.099.736.774	3.953.053.458
Trust Maritime Service Pte Ltd	2.720.133.035	3.110.639.781
Công ty Cổ phần Pisa	1.346.400.000	-
Các đối tượng khác	851.000.012	-
	<u><b>7.017.269.821</b></u>	<u><b>7.063.693.239</b></u>



**VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ  
KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Tầng 7, Tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình,  
Nam Từ Liêm Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**MẪU SỐ B 09a-DN**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

**8. PHẢI THU KHÁC**

	<u>30/6/2016</u>	<u>31/12/2015</u>
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Phải thu Siemens Aktiengesellschaft (i)	87.645.380.153	87.645.380.153
Tạm ứng	4.016.888.088	2.011.027.187
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	147.447.875	147.447.875
Phải thu ngắn hạn khác	4.571.587.204	140.158.481
	<b>96.381.303.320</b>	<b>89.944.013.696</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
Cầm cố, ký quỹ, ký cược dài hạn	180.860.000	180.860.000
	<b>180.860.000</b>	<b>180.860.000</b>

(i) Phải thu Siemens Aktiengesellschaft phản ánh khoản thuế thu nhập doanh nghiệp nhà thầu mà Văn phòng Công ty đã nộp thay cho nhà thầu nước ngoài Siemens Aktiengesellschaft cho giai đoạn từ tháng 5 năm 2008 đến tháng 12 năm 2015, bao gồm: (1) số thuế thu nhập doanh nghiệp nhà thầu từ tháng 5 năm 2008 đến tháng 11 năm 2014 là 80.943.929.849 VND (theo Theo Quyết định số 60944/KL-CT-KTT2 ngày 24 tháng 9 năm 2015 của Cục trưởng Cục thuế Thành phố Hà Nội) và (2) số thuế thu nhập doanh nghiệp nhà thầu ước tính từ tháng 12 năm 2014 đến tháng 12 năm 2015 là 6.701.450.304 VND. Ban Giám đốc Công ty đánh giá và tin tưởng rằng số thuế thu nhập doanh nghiệp nhà thầu nước ngoài nêu trên sẽ được Siemens Aktiengesellschaft thanh toán lại cho Văn phòng Công ty theo điều khoản của hợp đồng nên không phải trích lập dự phòng phải thu khó đòi cho khoản công nợ này.

**9. HÀNG TỒN KHO**

	<u>30/6/2016</u>		<u>31/12/2015</u>	
	Giá gốc Dự phòng		Giá gốc Dự phòng	
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu (i)	486.223.150.230	-	485.697.780.509	-
Công cụ, dụng cụ	5.382.343.227	-	-	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (ii)	2.227.295.913.903	-	2.052.249.646.294	-
	<b>2.718.901.407.360</b>	<b>-</b>	<b>2.537.947.426.803</b>	<b>-</b>

(i) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, giá trị nguyên liệu, vật liệu chủ yếu là vật tư, thiết bị nhập khẩu dự phòng phục vụ việc sửa chữa, đại tu các tổ hợp tuabin khí tại Nhà máy điện Cà Mau 1, Nhà máy điện Cà Mau 2 (thuộc Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam) và Nhà máy điện chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 (thuộc Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2) theo hợp đồng bảo trì dài hạn với số tiền khoảng 486 tỷ VND.

112  
ĐƠN  
NHÌ  
LO  
ỆT  
ĐA -

**VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ  
KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Tầng 7, Tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình,  
Nam Từ Liêm Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**MẪU SỐ B 09a-DN**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

**9. HÀNG TỒN KHO (Tiếp theo)**

(ii) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang chủ yếu bao gồm các chi phí liên quan đến mua vật tư, thiết bị nhập khẩu và các chi phí phát sinh khác phục vụ việc duy tu, bảo dưỡng Nhà máy điện Cà Mau 1, Nhà máy điện Cà Mau 2 và Nhà máy điện chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 theo Hợp đồng giữa Công ty với nhà thầu Siemens (Siemens Aktiengesellschaft và Công ty TNHH Siemen Việt Nam) với số tiền khoảng 1.997 tỷ VND.

Số dư các khoản mục hàng tồn kho và công nợ phải trả tương ứng sẽ được quyết toán và điều chỉnh khi Công ty kết thúc hợp đồng với nhà cung cấp.

**10. THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG ĐƯỢC KHẤU TRỪ**

<b>Chi tiêu</b>	<b>31/12/2015</b>	<b>Phát sinh</b>	<b>Số khấu trừ</b>	<b>30/6/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>trong kỳ</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
		<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ (*)	92.669.761.560	16.118.262.438	17.636.888.274	91.151.135.724

(\*) Theo Quyết định số 60944/KL-CT-KTT2 ngày 24 tháng 9 năm 2015, Cục thuế Thành phố Hà Nội đã xác định số thuế giá trị gia tăng nhà thầu nước ngoài Văn phòng Công ty phải nộp thay nhà thầu Siemens Aktiengesellschaft là 125.171.025.539 VND. Số thuế phải nộp này được bù trừ với số thuế giá trị gia tăng Văn phòng Công ty được hoàn cho giai đoạn từ tháng 11 năm 2013 đến tháng 11 năm 2014 là 234.032.520.912 VND, đồng thời trong tháng 9 năm 2015, Văn phòng Công ty đã kê khai khấu trừ số thuế giá trị gia tăng nộp thay nhà thầu nước ngoài nêu trên.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, số dư thuế giá trị gia tăng được khấu trừ chủ yếu bao gồm số tiền 89.047.663.751 VND thuế giá trị gia tăng Văn phòng Công ty đề nghị hoàn cho kỳ hoàn thuế từ tháng 01 năm 2015 đến tháng 4 năm 2016. Ngày 08 tháng 6 năm 2016, Cục thuế Thành phố Hà Nội đã gửi Công văn số 38162/CT-KTT2 gửi Tổng cục Thuế đề xuất Văn phòng Công ty được kê khai khấu trừ số thuế giá trị gia tăng nhà thầu nước ngoài nêu trên. Tại ngày báo cáo này, Tổng cục Thuế chưa trả lời vấn đề trên và Ban Giám đốc Công ty đánh giá rằng khoản thuế giá trị gia tăng đề nghị hoàn sẽ được xử lý trong tương lai khi có hướng dẫn cụ thể của Tổng cục Thuế.

00 -  
TY  
HỮU H  
TTE  
AM  
P. HÀ

**VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ  
KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM**Tầng 7, Tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình,  
Nam Từ Liêm Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**MẪU SỐ B 09a-DN****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)****11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dung cụ quản lý VND	Công VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại ngày 01/01/2016	309.000.000	16.250.031.004	12.164.779.637	8.967.918.284	37.691.728.925
Mua sắm mới	177.000.000	154.000.000	3.637.603.636	11.509.734.948	15.478.338.584
Tại ngày 30/6/2016	486.000.000	16.404.031.004	15.802.383.273	20.477.653.232	53.170.067.509
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Tại ngày 01/01/2016	78.313.397	5.643.122.199	5.711.070.864	6.661.254.886	18.093.761.346
Trích khấu hao trong kỳ	30.732.597	1.262.624.494	767.996.051	941.541.066	3.002.894.208
Tại ngày 30/6/2016	109.045.994	6.905.746.693	6.479.066.915	7.602.795.952	21.096.655.554
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 30/6/2016	376.954.006	9.498.284.311	9.323.316.358	12.874.857.280	32.073.411.955
Tại ngày 31/12/2015	230.686.603	10.606.908.805	6.453.708.773	2.306.663.398	19.597.967.579

Nguyên giá của các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 với giá trị là 6.424.259.334 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 4.752.441.455 VND).

**12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	30/6/2016		31/12/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí (PAIC)	5.040.000.000	-	5.040.000.000	(163.047.979)

Văn phòng Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính.

**13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	30/6/2016	31/12/2015
	VND	VND
Chi phí thuê văn phòng dài hạn (i)	26.317.141.932	26.631.064.102
Chi phí trả trước dài hạn khác	5.367.642.067	3.912.401.760
	<b>31.684.783.999</b>	<b>30.543.465.862</b>

**VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ  
KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Tầng 7, Tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình,  
Nam Từ Liêm Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**MẪU SỐ B 09a-DN**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

**13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN (Tiếp theo)**

(i) Khoản tiền thuê văn phòng theo Hợp đồng thuê dài hạn với Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Việt Nguyên để thuê toàn bộ tầng 7, Tòa nhà HH3 Sông Đà trong thời gian 49 năm kể từ ngày ký hợp đồng, tổng số tiền phải trả là 32.402.000.000 VND. Khoản tiền thuê văn phòng trả trước sẽ được phân bổ vào chi phí thuê nhà tương ứng với thời gian thuê.

**14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/6/2016		31/12/2015	
	Giá trị	Số có khả	Giá trị	Số có khả
	VND	năng trả nợ	VND	năng trả nợ
		VND		VND
Siemens Aktiengesellschaft	3.184.829.639.149	3.184.829.639.149	2.921.069.814.193	2.921.069.814.193
- Phải trả liên quan đến vật tư, thiết bị nhập từ Siemens (i)	2.483.473.653.468	2.483.473.653.468	2.486.383.966.637	2.486.383.966.637
- Phải trả liên quan đến dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng các nhà máy điện (ii)	701.355.985.681	701.355.985.681	434.685.847.556	434.685.847.556
Công ty TNHH Alstom Việt Nam	-	-	20.453.896.218	20.453.896.218
Các nhà cung cấp khác	6.640.226.546	6.640.226.546	41.473.471.090	41.473.471.090
	<b>3.191.469.865.695</b>	<b>3.191.469.865.695</b>	<b>2.982.997.181.501</b>	<b>2.982.997.181.501</b>

(i) Phản ánh giá trị vật tư, thiết bị nhập từ Siemens Aktiengesellschaft trên cơ sở các tờ khai hải quan nhập vật tư thiết bị phục vụ cho việc duy tu, bảo dưỡng Nhà máy Điện Cà Mau 1, Nhà máy Điện Cà Mau 2 và Nhà máy Điện chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2. Số dư nợ phải trả này và khoản mục hàng tồn kho tương ứng sẽ được quyết toán và điều chỉnh khi Công ty kết thúc hợp đồng với nhà cung cấp.

(ii) Phản ánh giá trị dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa phải trả Siemens Aktiengesellschaft trên cơ sở số giờ EOH thực tế từng quý của các tuabin khí (bao gồm phí cố định, biến phí và trượt giá).

Trong kỳ, Văn phòng Công ty đã ký hợp đồng kỳ hạn mua 17.805.353,62 EUR để thanh toán cho khoản phải trả này. Văn phòng Công ty đã sử dụng các khoản tiền gửi có kỳ hạn với giá trị khoảng 23,8 tỷ VND để bảo đảm cho các hợp đồng mua ngoại tệ kỳ hạn này như đã trình bày ở Thuyết minh số 5.

Trong tháng 7 năm 2016, Văn phòng Công ty thanh toán toàn bộ khoản phải trả cho Siemens. Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh đã được bù đắp bởi lãi tiền gửi của các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn (như trình bày tại Thuyết minh số 18).

**VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ  
KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM**Tầng 7, Tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình,  
Nam Từ Liêm Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**MẪU SỐ B 09a-DN****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)****15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	<u>30/6/2016</u>	<u>31/12/2015</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	130.972.971.216	144.260.091.974
Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na	1.014.278.723	-
	<u>131.987.249.939</u>	<u>144.260.091.974</u>

**16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

Chỉ tiêu	31/12/2015	Phát sinh trong kỳ		30/6/2016
		Phát sinh tăng	Phát sinh giảm	
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Các khoản phải thu</b>				
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	1.468.057.576	12.375.424.659	13.843.482.235	-
<b>Cộng</b>	<u>1.468.057.576</u>	<u>12.375.424.659</u>	<u>13.843.482.235</u>	-

Chỉ tiêu	31/12/2015	Phát sinh trong kỳ		30/6/2016
		Số phải nộp	Số đã nộp	
	VND	VND	VND	VND
<b>b) Các khoản phải trả</b>				
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	2.910.521.687	2.910.521.687	-
Thuế nhập khẩu	-	756.226.771	756.226.771	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.734.368.388	1.164.317.879	5.121.966.335	776.719.932
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Thuế thu nhập cá nhân	688.293.926	1.055.444.582	1.669.778.304	73.960.204
Thuế khác	-	71.549.402	71.549.402	-
<b>Cộng</b>	<u>5.422.662.314</u>	<u>5.961.060.321</u>	<u>10.533.042.499</u>	<u>850.680.136</u>

**17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	<u>30/6/2016</u>	<u>31/12/2015</u>
	VND	VND
Chi phí trích trước cho dịch vụ do Văn phòng Công ty thực hiện	309.576.148	665.745.269
Chi phí phải trả khác	-	2.162.447.501
	<u>309.576.148</u>	<u>2.828.192.770</u>



**VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ  
KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Tầng 7, Tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình,  
Nam Từ Liêm Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**MẪU SỐ B 09a-DN**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

**18. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>30/6/2016</u>	<u>31/12/2015</u>
	VND	VND
Cổ tức phải trả	25.339.227.493	1.945.162.499
Lãi hợp đồng tiền gửi (i)	13.480.243.223	-
Quỹ chất lượng dịch vụ	5.847.761.735	-
Phải trả ngắn hạn khác	1.938.745.580	3.567.792.865
	<b><u>46.605.978.031</u></b>	<b><u>5.512.955.364</u></b>

- (i) Phản ánh lãi phát sinh và trích trước từ các các hợp đồng tiền gửi sử dụng để mua ngoại tệ kỳ hạn thanh toán cho khoản phải trả Siemens Aktiengesellschaft như đã trình bày tại Thuyết minh số 14. Lãi phát sinh từ các hợp đồng này sẽ được bù trừ với lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh khi thanh toán khoản phải trả Siemens Aktiengesellschaft.

**19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

Chi tiêu	31/12/2015		Phát sinh trong kỳ		30/6/2016	
	Giá trị	Số có khả năng	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng
		trả nợ				trả nợ
VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (i)	60.886.450.939	60.886.450.939	17.758.395.207	69.286.681.275	9.358.164.871	9.358.164.871
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (ii)	8.742.197.126	8.742.197.126	12.759.233.195	8.742.197.126	12.759.233.195	12.759.233.195
	<b><u>69.628.648.065</u></b>	<b><u>69.628.648.065</u></b>	<b><u>30.517.628.402</u></b>	<b><u>78.028.878.401</u></b>	<b><u>22.117.398.066</u></b>	<b><u>22.117.398.066</u></b>

- (i) Khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam (Techcombank) theo Phụ lục số MMD2015-57/HĐCTD/PL01 ngày 27 tháng 5 năm 2016 của Hợp đồng cấp tín dụng số MMD2015-57/HĐCTD ngày 19 tháng 5 năm 2015 giữa Văn phòng Công ty và Techcombank. Khoản vay này được giải ngân bằng Đồng Việt Nam với hạn mức là 180.000.000.000 VND trong thời hạn 12 tháng với mục đích tài trợ các phương án có đầu ra của Văn phòng Công ty. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo và chịu lãi suất từ 6,2%/năm đến 6,7%/năm tùy thuộc vào từng kế ước nhận nợ.
- (ii) Khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội (SHB) theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 184/HDHM-PN/SHB.110100 ngày 07 tháng 8 năm 2015 giữa Văn phòng Công ty và SHB. Khoản vay này được giải ngân bằng Đồng Việt Nam với hạn mức là 300.000.000.000 VND trong thời hạn 12 tháng với mục đích tài trợ các phương án có đầu ra của Văn phòng Công ty. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo và chịu lãi suất 5,7%/năm.

2500 -  
G TY  
M HUU H  
ITTE  
NAM  
TP. H

**VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ  
KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM**Tầng 7, Tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình,  
Nam Từ Liêm Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**MẪU SỐ B 09a-DN****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)****20. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (Trình bày lại) VND	Cộng VND
<b>Cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</b>				
<b>Số dư tại ngày 01/01/2015</b>	<b>150.000.000.000</b>	<b>12.857.749.788</b>	<b>17.451.194.891</b>	<b>180.308.944.679</b>
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	7.273.156.837	7.273.156.837
Chia cổ tức năm 2014 (i)	-	-	(9.459.450.000)	(9.459.450.000)
Phân phối lợi nhuận	-	2.445.353.022	(5.140.706.044)	(2.695.353.022)
Chi nhánh chuyển lãi	-	-	288.768.433	288.768.433
<b>Số dư tại ngày 30/6/2015</b>	<b>150.000.000.000</b>	<b>15.303.102.810</b>	<b>10.412.964.117</b>	<b>175.716.066.927</b>
<b>Cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</b>				
<b>Số dư tại ngày 01/01/2016</b>	<b>150.000.000.000</b>	<b>15.303.102.810</b>	<b>28.412.804.587</b>	<b>193.715.907.397</b>
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	5.022.751.578	5.022.751.578
Chia cổ tức năm 2015 (ii)	-	-	(23.431.286.470)	(23.431.286.470)
Phân phối lợi nhuận (ii)	-	-	(2.485.796.836)	(2.485.796.836)
Chi nhánh chuyển (lỗ)	-	-	(281.476.184)	(281.476.184)
Điều chỉnh khác	-	-	(1.036.364)	(1.036.364)
<b>Số dư tại ngày 30/6/2016</b>	<b>150.000.000.000</b>	<b>15.303.102.810</b>	<b>7.235.960.311</b>	<b>172.539.063.121</b>

(i) Theo Biên bản kiểm toán ngày 01 tháng 10 năm 2015 của Kiểm toán Nhà nước, Văn phòng Công ty đã điều chỉnh hồi tố việc chia cổ tức cho PVPower (Công ty mẹ của Văn phòng Công ty) trong năm 2014 với số tiền là 11.383.800.578 VND nên số cổ tức chia cho các cổ đông khác trong kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 9.459.450.000 VND.

(ii) Theo Nghị quyết số 121/NQ/ĐHCPĐ-DKVT ngày 15 tháng 4 năm 2016, Đại hội đồng cổ đông Công ty đã thông qua phương án phân chia lợi nhuận năm 2015 như sau:

- Trích quỹ khen thưởng: 1.242.898.418 VND;
- Trích quỹ phúc lợi: 1.242.898.418 VND;
- Chia cổ tức: 23.431.286.470 VND.

**Cổ phiếu**

	<b>30/6/2016</b> <b>Cổ phiếu</b>	<b>31/12/2015</b> <b>Cổ phiếu</b>
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	15.000.000	15.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>15.000.000</i>	<i>15.000.000</i>
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.000.000	15.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>15.000.000</i>	<i>15.000.000</i>

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

**VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ  
KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Tầng 7, Tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình,  
Nam Từ Liêm Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**MẪU SỐ B 09a-DN**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**

**Vốn điều lệ**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần thứ 8 ngày 20 tháng 10 năm 2015, vốn điều lệ của Công ty là 150.000.000.000 VND. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh		Vốn đã góp	
	VND	%	30/6/2016 VND	31/12/2015 VND
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	76.500.000.000	51	76.500.000.000	76.500.000.000
TYTL Power Service Sdn. Bhd.	27.000.000.000	18	27.000.000.000	27.000.000.000
Cổ đông khác	46.500.000.000	31	46.500.000.000	46.500.000.000
	<b>150.000.000.000</b>	<b>100</b>	<b>150.000.000.000</b>	<b>150.000.000.000</b>

**21. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

	30/6/2016	31/12/2015
<b>Ngoại tệ các loại</b>		
Đô la Mỹ (USD)	1,49	1,49
Euro (EUR)	4.930,11	4.901,39

**22. DOANH THU VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016 VND	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015 VND
<b>a) Doanh thu</b>		
Doanh thu dịch vụ từ nhà thầu phụ OEM (i)	189.186.705.033	337.274.599.371
Doanh thu hàng thực thanh thực chi	1.184.770.427	10.360.317.484
Doanh thu Văn phòng Công ty tự thực hiện	124.428.138.676	68.634.715.451
	<b>314.799.614.136</b>	<b>416.269.632.306</b>
<b>Trong đó:</b>		
<b>b) Doanh thu đối với các bên liên quan</b>		
Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau	100.714.651.858	211.054.673.994
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	118.505.125.098	166.178.323.531
Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh	43.383.958.294	-
Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch	6.309.210.001	10.357.326.549
Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na	381.808.343	-
	<b>269.294.753.594</b>	<b>387.590.324.074</b>

- (i) Đối với các dịch vụ này, Văn phòng Công ty ghi nhận doanh thu/phải thu với các nhà máy điện liên quan đến dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng mà Văn phòng Công ty thuê lại nhà thầu phụ OEM thực hiện.

**VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ  
KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM**Tầng 7, Tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình,  
Nam Từ Liêm Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**MẪU SỐ B 09a-DN****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)****23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp thể hiện giá vốn của dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng mà Văn phòng Công ty thuê lại nhà thầu phụ OEM thực hiện và giá vốn tương ứng với doanh thu Văn phòng Công ty tự thực hiện.

**24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<u>Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016</u>	<u>Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015</u>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi tiền gửi	640.227.075	405.424.068
	<b>640.227.075</b>	<b>405.424.068</b>

**25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<u>Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016</u>	<u>Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015</u>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí lãi vay	1.118.049.494	378.645.972
(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	(163.047.979)	(293.311.184)
	<b>955.001.515</b>	<b>85.334.788</b>

**26. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<u>Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016</u>	<u>Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015</u>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	18.524.816.783	67.805.651.359
Chi phí nhân công	75.131.881.849	54.306.965.497
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.022.394.208	2.145.765.727
Chi phí dịch vụ mua ngoài	368.446.412.409	87.492.788.129
Chi phí bằng tiền khác	18.264.995.935	1.463.629.346
	<b>483.390.501.184</b>	<b>213.214.800.058</b>

**27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	<u>Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016</u>	<u>Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015</u>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>		
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	1.132.317.494	1.802.265.754
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào Chi phí thuế thu nhập hiện hành kỳ này	32.000.385	27.858.948
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>1.164.317.879</b>	<b>1.830.124.702</b>

11250  
CÔNG T  
NHIỆM HI  
LOIT  
ỆT NA  
ĐA - TP

**VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ  
KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM**Tầng 7, Tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình,  
Nam Từ Liêm Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**MẪU SỐ B 09a-DN****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)****27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH (Tiếp theo)**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong kỳ được tính như sau:

	<u>Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016</u>	<u>Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015</u>
	VND	VND
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>6.187.069.457</b>	<b>9.103.281.539</b>
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>		
<i>Trừ: (Lỗ) của các chi nhánh</i>	<i>(592.389.449)</i>	<i>(911.164.476)</i>
<i>Cộng: Chi phí không được khấu trừ thuế</i>	<i>66.907.461</i>	<i>-</i>
<b>Thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành</b>	<b>5.661.587.469</b>	<b>8.192.117.063</b>
Thuế suất thông thường	20%	22%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành</b>	<b>1.132.317.494</b>	<b>1.802.265.754</b>
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước	32.000.385	27.858.948
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành</b>	<b>1.164.317.879</b>	<b>1.830.124.702</b>

Việc xác định thuế thu nhập của Văn phòng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**28. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Văn phòng Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	<u>Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016</u>	<u>Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015</u>
<b>Lợi nhuận trong kỳ (VND)</b>	<b>5.022.751.578</b>	<b>7.273.156.837</b>
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) (i)	(502.275.158)	(1.242.898.418)
<b>Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)</b>	<b>4.520.476.420</b>	<b>6.030.258.419</b>
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (Cổ phiếu)	15.000.000	15.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>301</b>	<b>402</b>

(i) Văn phòng Công ty tạm tính số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016 bằng 10% lợi nhuận sau thuế theo Kế hoạch phân phối lợi nhuận 2016 được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt ngày 15 tháng 4 năm 2016.



**VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ  
KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Tầng 7, Tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình,  
Nam Từ Liêm Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**MẪU SỐ B 09a-DN**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

**29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Văn phòng Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Văn phòng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Văn phòng Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 19 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

*Hệ số đòn bẩy tài chính*

Hệ số đòn bẩy tài chính của Văn phòng Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	<u>30/6/2016</u> VND	<u>31/12/2015</u> VND
Các khoản vay	22.117.398.066	69.628.648.065
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	494.394.550.985	280.129.557.679
Nợ thuần	(472.277.152.919)	(210.500.909.614)
Vốn chủ sở hữu	172.539.063.121	193.715.907.397
<b>Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

**Các loại công cụ tài chính**

	<b>Giá trị ghi số</b>	
	<u>30/6/2016</u> VND	<u>31/12/2015</u> VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	494.394.550.985	280.129.557.679
Phải thu khách hàng và phải thu khác	217.140.681.728	463.175.370.306
Đầu tư tài chính	5.040.000.000	4.876.952.021
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>716.575.232.713</u></b>	<b><u>748.181.880.006</u></b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Phải trả người bán và phải trả khác	32.717.244.563	65.630.565.020
Các khoản vay	22.117.398.066	69.628.648.065
Chi phí phải trả	309.576.148	2.828.192.770
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>55.144.218.777</u></b>	<b><u>138.087.405.855</u></b>

**VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ  
KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Tầng 7, Tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình,  
Nam Từ Liêm Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**MẪU SỐ B 09a-DN**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

**29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**Các loại công cụ tài chính (Tiếp theo)**

Văn phòng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Văn phòng Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Văn phòng Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Văn phòng Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

***Rủi ro thị trường***

Hoạt động kinh doanh của Văn phòng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Văn phòng Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này.

***Quản lý rủi ro tỷ giá***

Văn phòng Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Văn phòng Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Văn phòng Công ty đánh giá rủi ro tỷ giá có khả năng phát sinh là không trọng yếu.

***Quản lý rủi ro lãi suất***

Văn phòng Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Văn phòng Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Văn phòng Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

***Quản lý rủi ro về giá hàng hóa***

Văn phòng Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Văn phòng Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

TRÁCH  
D  
V  
PHÒNG

**VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ  
KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Tầng 7, Tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình,  
Nam Từ Liêm Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**MẪU SỐ B 09a-DN**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

**29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

***Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Văn phòng Công ty. Văn phòng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Văn phòng Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Văn phòng Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung khá lớn từ số dư phải thu các bên liên quan như trình bày tại Thuyết minh số 30.

***Quản lý rủi ro thanh khoản***

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Văn phòng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Văn phòng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Văn phòng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Văn phòng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Văn phòng Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Văn phòng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

<b>30/6/2016</b>	<b>Dưới 1 năm</b>	<b>Từ 1-5 năm</b>	<b>Tổng</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	494.394.550.985	-	494.394.550.985
Phải thu khách hàng và phải thu khác	216.959.821.728	180.860.000	217.140.681.728
Đầu tư tài chính	-	5.040.000.000	5.040.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>711.354.372.713</b>	<b>5.220.860.000</b>	<b>716.575.232.713</b>
Phải trả người bán và phải trả khác	32.717.244.563	-	32.717.244.563
Các khoản vay	22.117.398.066	-	22.117.398.066
Chi phí phải trả	309.576.148	-	309.576.148
<b>Tổng cộng</b>	<b>55.144.218.777</b>	<b>-</b>	<b>55.144.218.777</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>656.210.153.936</b>	<b>5.220.860.000</b>	<b>661.431.013.936</b>

0112  
ĐƠN  
NHIỆ  
LO  
ÉT  
A.



**VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ  
KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Tầng 7, Tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình,  
Nam Từ Liêm Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**MẪU SỐ B 09a-DN**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

**29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)**

31/12/2015	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	280.129.557.679	-	280.129.557.679
Phải thu khách hàng và phải thu khác	462.994.510.306	180.860.000	463.175.370.306
Đầu tư tài chính	-	4.876.952.021	4.876.952.021
<b>Tổng cộng</b>	<b>743.124.067.985</b>	<b>5.057.812.021</b>	<b>748.181.880.006</b>
Phải trả người bán và phải trả khác	65.630.565.020	-	65.630.565.020
Các khoản vay	69.628.648.065	-	69.628.648.065
Chi phí phải trả	2.828.192.770	-	2.828.192.770
<b>Tổng cộng</b>	<b>138.087.405.855</b>	<b>-</b>	<b>138.087.405.855</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>605.036.662.130</b>	<b>5.057.812.021</b>	<b>610.094.474.151</b>

Ban Giám đốc Công ty đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp, và tin tưởng rằng Văn phòng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**30. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

**Danh sách các bên liên quan:**

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (PVPower)	Chủ sở hữu
Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau (trực thuộc PVPower)	Chủ sở hữu
Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch (trực thuộc PVPower)	Chủ sở hữu
Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh (trực thuộc PVPower)	Chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	Cùng chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Bắc Kạn	Cùng chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na	Cùng chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Thủy điện Đakrinh	Cùng chủ sở hữu

**Trong kỳ, Văn phòng Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:**

	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015
	VND	VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau	100.714.651.858	211.054.673.994
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	118.505.125.098	166.178.323.531
Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh	43.383.958.294	-
Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch	6.309.210.001	10.357.326.549
Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na	381.808.343	-
<b>Trả cổ tức cho cổ đông</b>		
Các cổ đông khác	37.221.476	-
<b>Thu nhập của Ban Giám đốc</b>	<b>1.015.188.409</b>	<b>1.615.147.827</b>



**VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ  
KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Tầng 7, Tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình,  
Nam Từ Liêm Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**MẪU SỐ B 09a-DN**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

**30. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

*Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:*

	<u>30/6/2016</u>	<u>31/12/2015</u>
	VND	VND
<b>Phải thu khách hàng</b>		
Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau	2.875.067.947	219.376.738.444
Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh	46.340.152.689	76.760.198.434
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	44.284.926.906	38.809.164.052
Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch	5.538.419.000	25.964.040.061
Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na	2.725.373.913	2.305.384.736
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Bắc Kạn	186.400.227	-
<b>Phải trả người bán</b>		
Công ty TNHH Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch	33.509.433	-
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	33.544.089	-
<b>Cổ tức phải trả</b>		
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	13.533.848.835	1.595.720.458
Các cổ đông khác	11.805.378.658	349.442.041
<b>Người mua trả tiền trước</b>		
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	130.972.971.216	144.260.091.974
Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na	1.014.278.723	-

**Nguyễn Thị Mai Hoa**  
Người lập biểu

Ngày 22 tháng 9 năm 2016

**Lê Đình Thái**  
Kế toán trưởng



**Nguyễn Minh Tuấn**  
Giám đốc